

Số: 705 /TB-ĐHSPHN

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2021

THÔNG BÁO

Về việc tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2021 - Khóa 31 (2021-2023)

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ; Căn cứ chỉ tiêu đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2021 (1400 chỉ tiêu), Trường Đại học Sư phạm Hà Nội thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2021, cụ thể như sau:

I. CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO

TT	Khoa	Chuyên ngành	Mã số	Chỉ tiêu dự kiến
1	Toán - Tin	Đại số và lý thuyết số	8460104	22
2		Hình học và tô pô	8460105	24
3		Lý luận và PPDH bộ môn Toán	8140111	22
4		Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	8460106	13
5		Toán giải tích	8460102	60
6		Toán ứng dụng	8460112	19
7	Vật lý	Lý luận và PPDH bộ môn Vật lý	8140111	25
8		Vật lý chất rắn	8440104	30
9		Vật lý lý thuyết và vật lý toán	8440103	30
10	Hoá học	Hoá hữu cơ	8440114	24
11		Hoá lý thuyết và hoá lí	8440119	24
12		Hoá phân tích	8440118	9
13		Hoá vô cơ	8440113	23
14		Lý luận và PPDH bộ môn Hoá học	8140111	33
15		Hoá môi trường	8440120	9
16	Sinh học	Động vật học	8420103	24
17		Lý luận và PPDH bộ môn Sinh học	8140111	20
18		Sinh học thực nghiệm	8420114	45
19		Thực vật học	8420111	20
20	Sư phạm kỹ thuật	Lý luận và PPDH bộ môn KTCN	8140111	32
21	Ngữ văn	Hán Nôm	8220104	12
22		Ngôn ngữ học	8229020	25
23		Lý luận và PPDH bộ môn Văn và tiếng Việt	8140111	49
24		Lý luận văn học	8220120	22
25		Văn học dân gian	8220125	10
26		Văn học nước ngoài	8220242	25
27		Văn học Việt Nam	8220121	40

TT	Khoa	Chuyên ngành	Mã số	Chỉ tiêu dự kiến
28	Lịch sử	Lịch sử thế giới	8229011	30
29		Lịch sử Việt Nam	8229013	40
30		Lí luận và PPDH bộ môn Lịch sử	8140111	19
31	Địa lí	Địa lí học	8310501	17
32		Địa lí tự nhiên	8440217	17
33		Lí luận và PPDH bộ môn Địa lí	8140111	17
34		Bản đồ viễn thám và hệ thống tin địa lí	8440214	10
35	Tâm lí – Giáo dục	Giáo dục học	8140101	10
36		Giáo dục học (Giáo dục đại học)	8140101	10
37		Tâm lí học	8310401	10
38		Tâm lí học (Tâm lí học trường học)	8310401	51
39		Giáo dục và phát triển cộng đồng	Bộ GD và ĐT giao thí điểm	20
40	Quản lí giáo dục	Quản lí giáo dục	8140114	59
41	Giáo dục tiểu học	Giáo dục học (Giáo dục tiểu học)	8140101	50
42	Giáo dục mầm non	Giáo dục học (Giáo dục mầm non)	8140101	40
143	LLCT-GDCD	Lí luận và PPDH bộ môn Giáo dục chính trị	8140111	56
44	Triết học	Triết học	8229001	43
45	Công nghệ thông tin	Khoa học máy tính	8480101	22
46		Lí luận và PPDH bộ môn Tin học	8140111	23
47	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất	8140101	18
48	Giáo dục đặc biệt	Giáo dục đặc biệt	8140118	40
49	Việt Nam học	Việt Nam học	8310630	47
50	Công tác xã hội	Công tác xã hội	8760101	20
51	Tiếng Anh	Lí luận và PPDH bộ môn Tiếng Anh	8140111	20
52	Nghệ thuật	Lí luận và PPDH bộ môn Mỹ thuật	8140111	8

II. THỜI GIAN, HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

1. Thời gian đào tạo: 18 tháng đến 24 tháng.
2. Hình thức đào tạo: Chính quy.

III. MÔN THI VÀ THỜI GIAN THI TUYỂN

1. Người dự thi phải dự thi 3 môn:
 - Môn cơ bản (đề thi theo dạng thức tự luận): thời gian thi 180 phút.
 - Môn cơ sở (đề thi theo dạng thức tự luận): thời gian thi 180 phút.
 - Môn ngoại ngữ (đề thi theo dạng thức trắc nghiệm): thời gian thi 120 phút.
- Danh mục các môn thi tuyển cho từng chuyên ngành (Xem phụ lục kèm theo)

2. Thời gian thi tuyển

TT	Nội dung	Thời gian
1.	Tập trung thí sinh làm thủ tục thi	Sáng thứ Bảy: 21/8/2021
2.	Thi môn cơ bản	Chiều thứ Bảy: 21/8/2021
3.	Thi môn cơ sở	Sáng chủ Nhật: 22/8/2021
4.	Thi môn ngoại ngữ	Chiều chủ Nhật: 22/8/2021

3. Các trường hợp được miễn thi môn ngoại ngữ thực hiện theo Quyết định số 9081/QĐ-ĐHSPHN, ngày 26/8/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPT Hà Nội.

IV. ĐIỀU KIỆN DỰ THI

1. Về văn bằng

Người dự thi cần thoả mãn một trong các điều kiện sau đây:

- Có bằng tốt nghiệp đại học đúng ngành hoặc phù hợp với ngành đăng kí dự thi.
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành đăng ký dự thi, đã hoàn thành chương trình học bổ sung kiến thức do Trường ĐHSPT Hà Nội quy định.

2. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn đối với thí sinh dự thi chuyên ngành Quản lí giáo dục: thí sinh tốt nghiệp đại học ngành gần phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức và cần có ít nhất 2 (hai) năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực giáo dục.

3. Chính sách ưu tiên

3.1. Đối tượng ưu tiên:

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

e) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

f) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

3.2. Mức ưu tiên:

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) và cộng một điểm (thang điểm 10) cho môn cơ bản.

V. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI

Hồ sơ đăng ký dự thi gồm:

1. Bằng tốt nghiệp đại học, bằng điểm đại học (bản sao có công chứng).
 2. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của thủ trưởng cơ quan hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú.
 3. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của một bệnh viện đa khoa (khám trong thời gian không quá 6 tháng).
 4. File mềm ảnh 4x6 (ảnh mới chụp trong thời gian không quá 6 tháng).
 5. Bản sao có công chứng các quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động để chứng nhận thời gian công tác (người dự thi ngành QLGD hoặc thuộc diện ưu tiên KV1).
 6. Công văn cử đi dự thi của thủ trưởng cơ quan quản lý (nếu có).
 7. Giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có).
 8. Bản sao có công chứng chứng chỉ ngoại ngữ hoặc văn bằng, chứng chỉ khác (nếu có).
- Người dự thi, sau khi trúng tuyển phải nộp toàn bộ hồ sơ bản cứng theo đúng danh mục hồ sơ đăng ký dự thi tại buổi nhập học và phải tự chịu trách nhiệm về tính trung thực của hồ sơ tuyển sinh, nếu không sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

VI. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN

1. Nộp hồ sơ đăng ký dự thi:

- Hình thức nộp hồ sơ: trực tuyến.
- Địa chỉ nộp hồ sơ: <http://tsonline.hnue.edu.vn>
- Thời gian: từ ngày 25/5/2021 đến hết ngày 25/6/2021.

2. Mức thu lệ phí:

- Xử lý hồ sơ đăng ký dự thi: 60.000 đ/thí sinh/hồ sơ.
- Lệ phí thi: 360.000 đ/thí sinh.
- Kinh phí ôn tập (nếu có nhu cầu): 3.000.000 đ/3 môn.
- Kinh phí học bổ sung kiến thức (nếu thuộc diện phải bổ sung kiến thức): 300.000 đ/tín chỉ.
- * Thông báo nộp lệ phí sẽ gửi về email của thí sinh sau khi hồ sơ đăng ký dự thi được duyệt.

3. Thời gian ôn tập và học bổ sung kiến thức:

- Bổ sung kiến thức: từ 3/7/2021.
- Ôn tập: từ 12/7/2021.

Xem danh sách, lịch học ôn tập và bổ sung kiến thức từ ngày 01/7/2021 tại website: <http://sdh.hnue.edu.vn>.

4. Các yêu cầu chuẩn đầu vào và đầu ra trong quá trình đào tạo thực hiện theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Điện thoại liên hệ: 024.6296.2496 (Gọi trong giờ hành chính);

Trân trọng thông báo. 

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Ban giám hiệu;
- Các trường Đại học, Cao đẳng;
- Các Sở Giáo dục & Đào tạo;
- Các Khoa đào tạo thạc sĩ;
- Phòng KHTC;
- Đăng tải trên website ;
- Lưu : VT, SDH.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG


PGS.TS. Nguyễn Đức Sơn

DANH MỤC CÁC MÔN THI TUYỂN THẠC SĨ NĂM 2021 CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

TT	Ngành	Môn thi		
		Cơ bản	Cơ sở	Ngoại ngữ
1.	Toán	Đại số	Giải tích	Ngoại ngữ (Anh, Nga, Pháp, Trung) theo dạng thức trắc nghiệm.
2.	Vật lí	Toán cho vật lí	Cơ sở vật lí	
3.	Hoá học	Cơ sở lí thuyết hoá	Cơ sở hoá học vô cơ - hữu cơ	
4.	Sinh học	Toán cao cấp và thống kê sinh học	Sinh học cơ sở	
5.	Địa lí	Địa lí tự nhiên	Địa lí kinh tế - xã hội	
6.	Sư phạm kỹ thuật	Kỹ thuật điện tử	Lí luận dạy học kĩ thuật	
7.	Ngữ văn	Văn học Việt Nam	Tiếng Việt	
8.	Lịch sử	Lịch sử thế giới	Lịch sử Việt Nam	
9.	Tâm lí học	Tâm lí học đại cương	Tâm lí học phát triển	
10.	Tâm lí học (Tâm lí học trường học)		Giáo dục học đại cương	
11.	Giáo dục học			
12.	Giáo dục học (Giáo dục đại học)			
13.	GD và phát triển cộng đồng			
14.	Giáo dục tiểu học	Giáo dục học tiểu học	PPDH Toán-Tiếng việt ở tiểu học	
15.	Giáo dục mầm non	Triết học	Lí luận giáo dục mầm non	
16.	Quản lí giáo dục	Cơ sở giáo dục học của quản lí giáo dục	Khoa học quản lí & QLGD đại cương	
17.	LL và PPDH bộ môn Giáo dục chính trị	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	PPDH Giáo dục chính trị	
18.	Triết học	Triết học	Lịch sử triết học	
19.	Khoa học máy tính	Tin học cơ bản	Toán rời rạc	
20.	Hệ thống thông tin		Phương pháp GD tin	
21.	Lí luận và PPDH bộ môn Tin			
22.	Giáo dục thể chất	Tâm lí học thể chất	Lí luận và phương pháp GDTC	
23.	Giáo dục đặc biệt	Giáo dục hòa nhập	Tâm lí học phát triển	
24.	Việt Nam học	Văn học Việt Nam	Văn hóa Việt Nam	
25.	Công tác xã hội	Hành vi con người và môi trường xã hội	Công tác xã hội tổng hợp	
26.	Công tác xã hội (Quản trị công tác xã hội trường học)			
27.	LL và PPDH bộ môn Tiếng Anh	Phương pháp dạy học tiếng Anh	Kỹ năng thực hành tiếng Anh	
28.	Lí luận và PPDH bộ môn Mỹ thuật	Hình họa	Kiến thức và phương pháp dạy học Mỹ thuật	

* Lưu ý: Thí sinh dự thi chuyên ngành LL và PPDH bộ môn tiếng Anh sẽ thi môn ngoại ngữ là một trong các thứ tiếng: Nga, Pháp, Trung.